BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Interpreting 1 - 1105025

Mã lớp học phần: 110502502 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Hồng Linh Quyền

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210110050	Nguyễn Hoàng	**Đạt**	01/01/1994		3.0	ba không	C14TA2	
2	1210110065	Trương Văn	**Đường**	17/04/1994		3.5	ba năm	C14TA2	
3	1210110064	Nguyễn Thị	**Được**	18/09/1993		7.5	bảy năm	C14TA2	
4	1210110043	Đặng Thị Kim	**Loan**	1992		7.0	bảy không	C14TA2	
5	1210110130	Nguyễn Thị Hồng	**Luận**	04/01/1994		8.0	tám không	C14TA2	
6	1210110046	Trần Thị Thùy	**Mai**	16/06/1992		7.0	bảy không	C14TA2	
7	1210110047	Nguyễn Thị Ngọc Trà	**Mi**	09/12/1993		6.5	sáu năm	C14TA2	
8	1210110048	Trần Thị	**Mơ**	14/02/1994		6.5	sáu năm	C14TA2	
9	1210110049	Ngô Kiết	**My**	13/10/1993		7.0	bảy không	C14TA2	
10	1210110052	Phạm Thị Phương	**Nga**	29/09/1994		2.0	hai không	C14TA2	
11	1210110053	Lê Thị Khánh	**Ngân**	10/08/1994		3.0	ba không	C14TA2	
12	1210110054	Nguyễn Thụy Kim	**Ngân**	23/06/1991		7.5	bảy năm	C14TA2	
13	1210110056	Trần Thị Kim	**Ngân**	01/06/1993		1.5	một năm	C14TA2	
14	1210110058	Nguyễn Thị	**Ngọc**	04/12/1994		5.0	năm không	C14TA2	
15	1210110060	Nguyễn Trần Tố	**Nhi**	25/06/1994		7.0	bảy không	C14TA2	
16	1210110061	Phan Đông	**Nhi**	24/09/1994		6.5	sáu năm	C14TA2	
17	1210110063	Nguyễn Thị	**Ni**	22/12/1993		9.0	chín không	C14TA2	
18	1210110067	Phan Thiều	**Phân**	01/08/1993		5.0	năm không	C14TA2	
19	1210110072	Bùi Thanh	**Phương**	11/05/1994		5.0	năm không	C14TA2	
20	1210110073	Lê Thị	**Phước**	20/04/1994		7.5	bảy năm	C14TA2	
21	1210110070	Trần Thị Bích	**Phượng**	08/09/1994		8.0	tám không	C14TA2	
22	1210110076	Nguyễn Thị Ngọc	**Sâm**	25/10/1994		9.0	chín không	C14TA2	
23	1210110077	Huỳnh Thái	**Sơn**	19/11/1994		10.0	mười không	C14TA2	
24	1210110081	Nguyễn Đức	**Tài**	30/07/1993		5.0	năm không	C14TA2	
25	1210110079	Đặng Hồ Thanh	**Tâm**	21/02/1994		3.0	ba không	C14TA2	
26	1210110078	Lê Thị Nhân	**Tâm**	17/07/1994		5.0	năm không	C14TA2	
27	1210110108	Lê Thị Thùy	**Trang**	12/02/1994		8.0	tám không	C14TA2	
28	1210110109	Nguyễn Lê Thùy	**Trang**	26/02/1994		9.5	chín năm	C14TA2	
29	1210110110	Nguyễn Thị Thu	**Trang**	16/02/1994				C14TA2	
30	1210110111	Trần Thị Thanh	**Trà**	25/07/1994		9.0	chín không	C14TA2	
31	1210110131	Hồ Thanh	**Trăm**	21/07/1994		7.0	bảy không	C14TA2	
32	1210110113	Lê Mai	**Trinh**	10/01/1993		8.5	tám năm	C14TA2	
33	1210110114	Nguyễn Thị Thanh	**Trúc**	19/05/1993		2.5	hai năm	C14TA2	
34	1210110115	Nguyễn Thụy Linh	**Trúc**	22/07/1994		6.5	sáu năm	C14TA2	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1210110116	Thái Thị Thanh	**Trúc**	12/08/1993		6.0	sáu không	C14TA2	
36	1210110119	Đỗ Thị Minh	**Tuyết**	26/03/1993		8.0	tám không	C14TA2	
37	1210110118	Nguyễn Ngọc	**Tú**	20/05/1994		4.5	bốn rưỡi	C14TA2	
38	1210110120	Bạch Ngọc Phương	**Uyên**	29/12/1992		6.0	sáu không	C14TA2	
39	1210110121	Hoàng Thảo	**Uyên**	12/02/1994		10.0	mười không	C14TA2	
40	1210110122	Dương Thị Hồng	**Vân**	01/07/1994		7.0	bảy không	C14TA2	
41	1210110125	Nguyễn Thúy	**Vy**	06/07/1994		1.0	một không	C14TA2	
42	1210110126	Lê Triều	**Vỹ**	26/09/1992		10.0	mười không	C14TA2	
43	1210110127	Phan Văn	**Vỹ**	09/03/1993				C14TA2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Interpreting 1 - 1105025
Mã lớp học phần: 110502502 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Hồng Linh Quyền
Ngày thi: 12/05/2014 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: B2.5**

Giám thị 1: Văn Hinh Ký tên:
Giám thị 2: Bảo Ngân Ký tên:
Giám thị 3: Đại Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210110050	Nguyễn Hoàng	**Đạt**	01/01/1994					C14TA2	Nợ HP
2	1210110065	Trương Văn	**Đường**	17/04/1994		02	7.0	bảy chấn	C14TA2	
3	1210110064	Nguyễn Thị	**Được**	18/09/1993		01	7.0	bảy chấn	C14TA2	
4	1210110043	Đặng Thị Kim	**Loan**	1992		02	5.5	năm năm	C14TA2	
5	1210110130	Nguyễn Thị Hồng	**Luận**	04/01/1994		02	7.0	bảy chấn	C14TA2	
6	1210110046	Trần Thị Thùy	**Mai**	16/06/1992		02	3.0	ba chấn	C14TA2	
7	1210110047	Nguyễn Thị Ngọc Trà	**Mi**	09/12/1993		02	3.0	ba chấn	C14TA2	
8	1210110048	Trần Thị	**Mơ**	14/02/1994		02	5.5	năm năm	C14TA2	
9	1210110049	Ngô Kiết	**My**	13/10/1993		02	3.5	ba năm	C14TA2	
10	1210110052	Phạm Thị Phương	**Nga**	29/09/1994		02	2.0	hai chấn	C14TA2	
11	1210110053	Lê Thị Khánh	**Ngân**	10/08/1994		01	2.5	hai năm	C14TA2	
12	1210110054	Nguyễn Thụy Kim	**Ngân**	23/06/1991		02	6.0	sáu chấn	C14TA2	
13	1210110056	Trần Thị Kim	**Ngân**	01/06/1993		02	3.5	ba năm	C14TA2	
14	1210110058	Nguyễn Thị	**Ngọc**	04/12/1994		01	4.5	bốn năm	C14TA2	
15	1210110060	Nguyễn Trần Tố	**Nhi**	25/06/1994		02	4.5	bốn năm	C14TA2	
16	1210110061	Phan Đông	**Nhi**	24/09/1994		01	4.0	bốn chấn	C14TA2	
17	1210110063	Nguyễn Thị	**Ni**	22/12/1993		02	8.0	tám chấn	C14TA2	
18	1210110067	Phan Thiều	**Phân**	01/08/1993		01	3.5	ba năm	C14TA2	
19	1210110072	Bùi Thanh	**Phương**	11/05/1994		01	1.5	một năm	C14TA2	
20	1210110073	Lê Thị	**Phước**	20/04/1994		01	1.5	một năm	C14TA2	
21	1210110070	Trần Thị Bích	**Phượng**	08/09/1994		01	2.0	hai chấn	C14TA2	
22	1210110076	Nguyễn Thị Ngọc	**Sâm**	25/10/1994		02	9.0	chín chấn	C14TA2	
23	1210110077	Huỳnh Thái	**Sơn**	19/11/1994		02	5.5	năm năm	C14TA2	
24	1210110081	Nguyễn Đức	**Tài**	30/07/1993		02	5.0	năm chấn	C14TA2	
25	1210110079	Đặng Hồ Thanh	**Tâm**	21/02/1994		02	4.0	bốn chấn	C14TA2	
26	1210110078	Lê Thị Nhân	**Tâm**	17/07/1994		02	6.5	sáu năm	C14TA2	
27	1210110108	Lê Thị Thùy	**Trang**	12/02/1994		02	9.0	chín chấn	C14TA2	
28	1210110109	Nguyễn Lê Thùy	**Trang**	26/02/1994		02	9.0	chín chấn	C14TA2	
29	1210110110	Nguyễn Thị Thu	**Trang**	16/02/1994					C14TA2	Nợ HP
30	1210110111	Trần Thị Thanh	**Trà**	25/07/1994		02	9.0	chín chấn	C14TA2	
31	1210110131	Hồ Thanh	**Trăm**	21/07/1994		02	6.5	sáu năm	C14TA2	
32	1210110113	Lê Mai	**Trinh**	10/01/1993		01	4.5	bốn năm	C14TA2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210110114	Nguyễn Thị Thanh	**Trúc**	19/05/1993					C14TA2	
34	1210110115	Nguyễn Thụy Linh	**Trúc**	22/07/1994		02	0.5	không năm	C14TA2	
35	1210110116	Thái Thị Thanh	**Trúc**	12/08/1993		01	5.0	năm chấm	C14TA2	
36	1210110119	Đỗ Thị Minh	**Tuyết**	26/03/1993		02	6.5	sáu năm	C14TA2	
37	1210110118	Nguyễn Ngọc	**Tú**	20/05/1994		02	6.5	sáu năm	C14TA2	
38	1210110120	Bạch Ngọc Phương	**Uyên**	29/12/1992					C14TA2	Nợ HP
39	1210110121	Hoàng Thảo	**Uyên**	12/02/1994		02	8.0	tám chấm	C14TA2	
40	1210110122	Dương Thị Hồng	**Vân**	01/07/1994		02	3.0	ba chấm	C14TA2	
41	1210110125	Nguyễn Thúy	**Vy**	06/07/1994		01	2.0	hai chấm	C14TA2	
42	1210110126	Lê Triều	**Vỹ**	26/09/1992		02	6.5	sáu năm	C14TA2	
43	1210110127	Phan Văn	**Vỹ**	09/03/1993					C14TA2	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*